

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

-----o0o-----



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

(Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp
Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Phần I: Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	10
Phần II: Tình hình hoạt động trong năm	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	14
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	22
4. Tình hình tài chính	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	24
Phần III: Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc Công ty	25
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
2. Tình hình tài chính	29
3. Đánh giá tình hình thị trường và kế hoạch 2018	30
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	31
Phần IV: Báo cáo của Hội đồng quản trị	32
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	32
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	33
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	33
Phần V: Quản trị Công ty	35
1. Hội đồng quản trị	35
2. Ban kiểm soát	42
3. Tiền lương và thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	46
Các giao dịch của người nội bộ	46
Phần VI: Báo cáo tài chính	49

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200119965 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 7 năm 2013 tại Sở Kế hoạch đầu tư tp.Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, tp.Hải Phòng
- Số điện thoại: (84-225) 3842151
- Số fax: (84-225) 3842271
- Website: www.vinaship.com.vn
- Mã cổ phiếu: VNA

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ Việc thành lập

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực bắt tay vào công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp và chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Không nằm ngoài quy luật, Bộ Giao thông vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới.

Cũng trong thời kỳ này, ngày 10/3/1984, Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) được thành lập theo Quyết định số 694/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải .

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III , đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.

Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0203002740** ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là **200** tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%.

Trong lịch sử 34 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

➤ **Niêm yết cổ phiếu**

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 280/QĐ-SGDHN do Phó Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 24/4/2017 .

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 03/5/2017
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 20.000.000 cổ phiếu

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn tàu, biển. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán;

➤ **Địa bàn hoạt động**

Vận tải đường biển:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư phát triển đội tàu, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua, Công ty đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần vận tải trong nước và khu vực, mở thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu “VINASHIP” trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Lafarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức: Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Các dịch vụ vận chuyển nguyên liệu cung cấp tận nhà máy cho nhà sản xuất, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất tới tận kho của các nhà phân phối đang là những sản phẩm dịch vụ vận tải có chất lượng cao được thị trường tin dùng và thị phần ngày càng mở rộng. Hiện tại VINASHIP đã đạt sản lượng dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức mỗi tháng hàng ngàn Container nội địa và xuất nhập khẩu. Trong tương lai, tỷ trọng của sản phẩm này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VINASHIP ngày càng tăng, góp phần đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

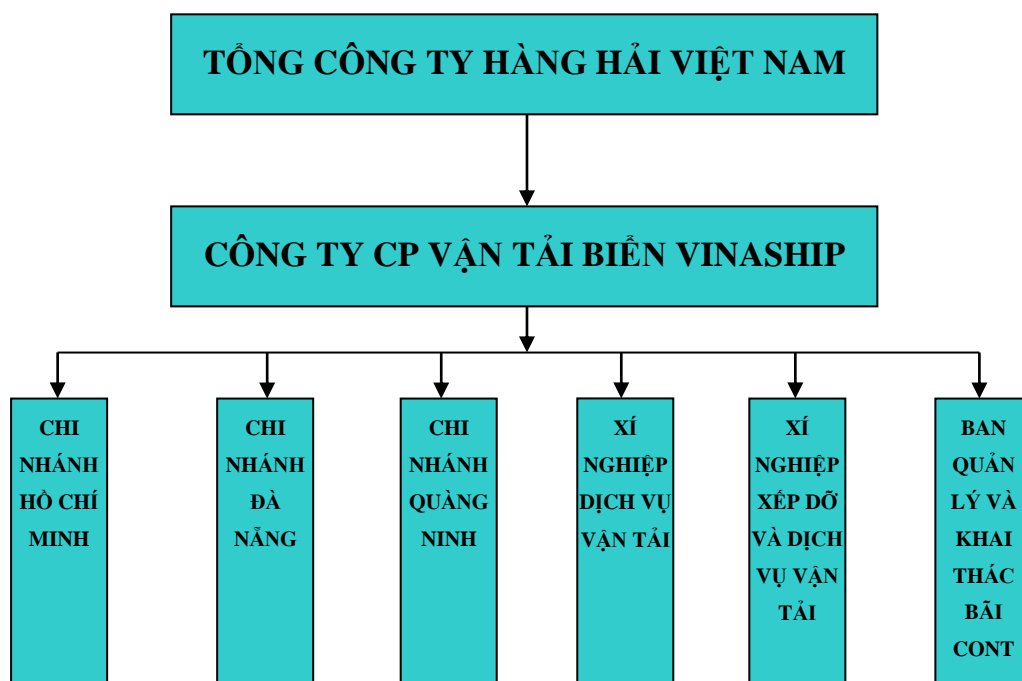
Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận: VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container, 01 bãi CFS và 01 bãi Container hậu phương có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn giữ vững truyền thống là đơn vị quản lý tài chính nề nếp, vốn và tài sản luôn được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

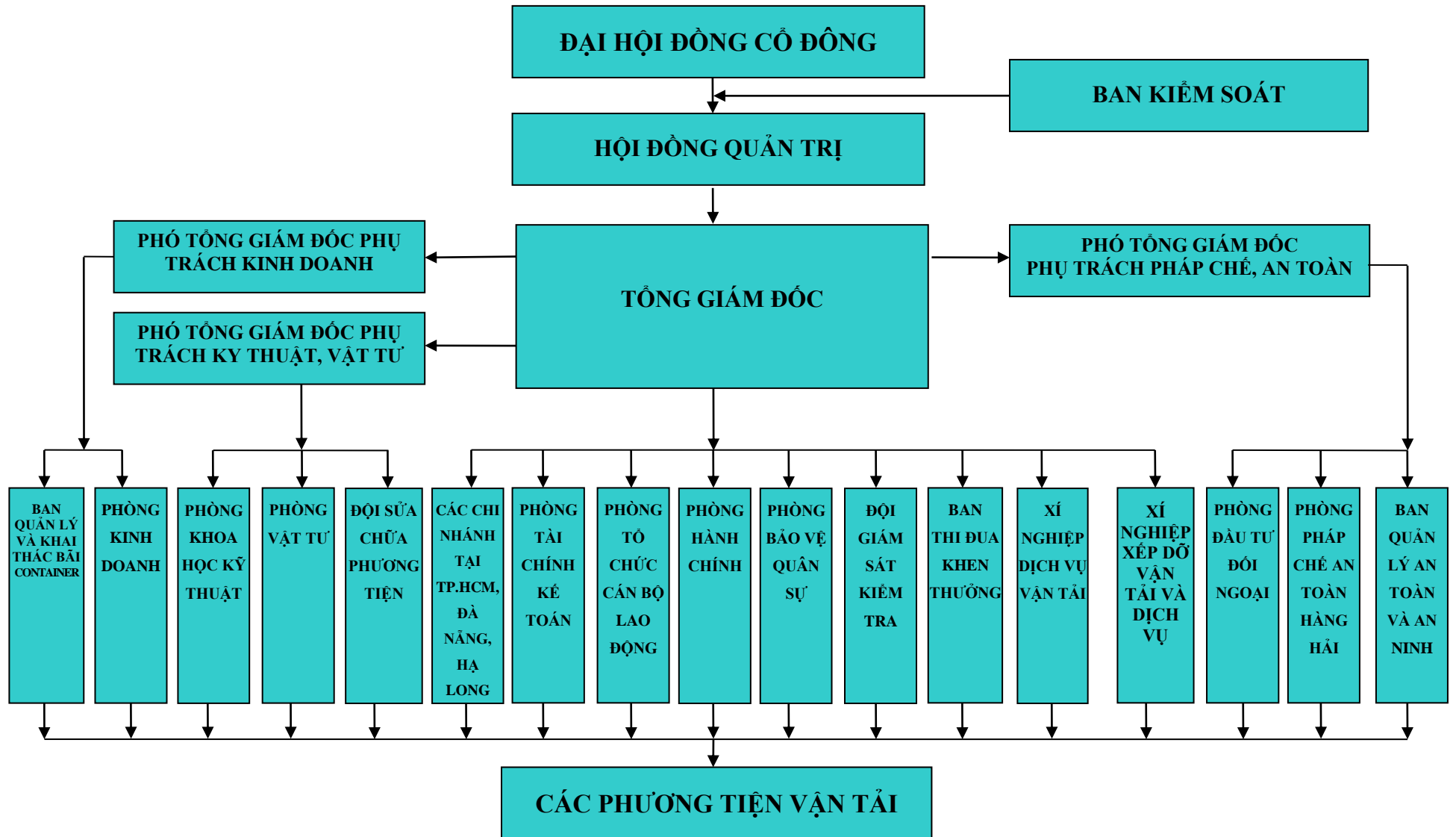
So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

➤ Sơ đồ cơ cấu tổ chức



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Việt Nam là một quốc gia biển, điều kiện địa lý và tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển và ngoại thương bằng đường biển. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng lượng hàng hoá lưu thông nội địa, các mặt hàng xuất nhập khẩu như gạo, cà phê, tiêu, hạt điều, dầu thô, khí đốt cũng tăng đáng kể. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có sự tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hoá lưu thông vô cùng dồi dào đang và sẽ là đòn bẩy giúp ngành vận tải biển Việt Nam phát triển. Đáng nói hơn, cơ hội dành cho đội tàu biển Việt Nam không chỉ là vận chuyển nguồn hàng xuất nhập khẩu trong nước mà còn tham gia chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường hàng hoá trong nước có nhiều khởi sắc, thị trường nước ngoài có những tín hiệu đáng mừng. Trong khu vực, Indonesia và Philippines vẫn là 2 nước nhập khẩu gạo lớn của nước ta. Lượng hàng xuất nhập khẩu của Thái Lan vô cùng dồi dào. Tuy nhiên, đội tàu biển của những nước này không đáp ứng kịp, vì vậy, đội tàu biển Việt Nam ngoài việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu trong nước vẫn còn nhiều cơ hội để chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực. Các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia cũng là thị trường đầy tiềm năng cho ngành vận tải biển Việt Nam. Là đơn vị có truyền thống, nhiều kinh nghiệm kinh doanh trên tuyến Châu Á, Công ty đang có những cơ hội lớn để đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thâm nhập và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

Hiện nay, VINASHIP đang thực hiện chủ trương đầu tư trẻ hoá và cơ cấu lại đội tàu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, tăng năng lực cạnh tranh của Đội tàu bằng việc đặt đóng mới ở các nhà máy đóng tàu trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao dịch để mua tàu đã qua sử dụng của nước ngoài. Chính sách phát triển này của VINASHIP nằm trong kế hoạch nâng cao năng suất vận tải và trẻ hóa Đội tàu biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động ngành nghề, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản lý chất lượng để cung cấp dịch vụ vận tải biển đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Tăng cường dịch vụ phải đi kèm với tăng cường chất lượng. Chỉ có chất lượng mới tạo được lòng tin từ khách hàng. Hơn thế nữa Công ty có thể xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên, nằm trong chiến lược phát triển bền vững.

Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 10 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải khoảng 169.096 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, theo chủ trương của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là phát triển đa dạng các loại tàu, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Bảng 1: Bảng kê đội tàu của Công ty

STT	Tên con tàu	Năm đóng/Nơi đóng	Trọng tải (DWT)	Độ mớn nước (m)	Năm đưa vào sử dụng
1	Tàu Mỹ An	1994/Nhật Bản	8.294	7,32	2003
2	Tàu Mỹ Hưng	2003/Việt Nam	6.500	6,9	2003
3	Tàu Mỹ Thịnh	1990/Nhật Bản	14.348	7,939	2004
4	Tàu Mỹ Vượng	1989/Nhật Bản	14.339	7,939	2004
5	Tàu Vinaship Ocean	1986/Nhật Bản	12.367	8,306	2007
6	Tàu Vinaship Diamond	1996/Nhật Bản	24.034	9,553	2009
7	Tàu Vinaship Gold	2008/Việt Nam	13.245	8,35	2008
8	Tàu Vinaship Pearl	1996/Nhật Bản	24.241	9,548	2009
9	Tàu Vinaship Sea	1998/Nhật Bản	27.841	9,65	2010
10	Tàu Vinaship Star	1996/Nhật Bản	23.949	9,42	2011

Đầu tư xây dựng cơ bản:

Ngoài việc tập trung phát triển đội tàu để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty sẽ xúc tiến để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thúc đẩy các hoạt động dịch vụ tăng lên

trong thời gian tới.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin

Hiện tại các phòng ban trong toàn Công ty đã được trang bị đầy đủ công nghệ thông tin. Từ năm 2009 Công ty đã thực hiện kết nối lại đường mạng nội bộ đồng thời sử dụng đường truyền FTTH tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như Tài chính kế toán, Nhân sự và Quản lý khai thác Đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, VINASHIP liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

6. CÁC RỦI RO

Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và diễn biến bất thường. Thị trường vận tải biển chưa thực sự ổn định, các hãng tàu lớn vẫn gặp nhiều khó khăn, sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề vô cùng khốc liệt. Các yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của công ty.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

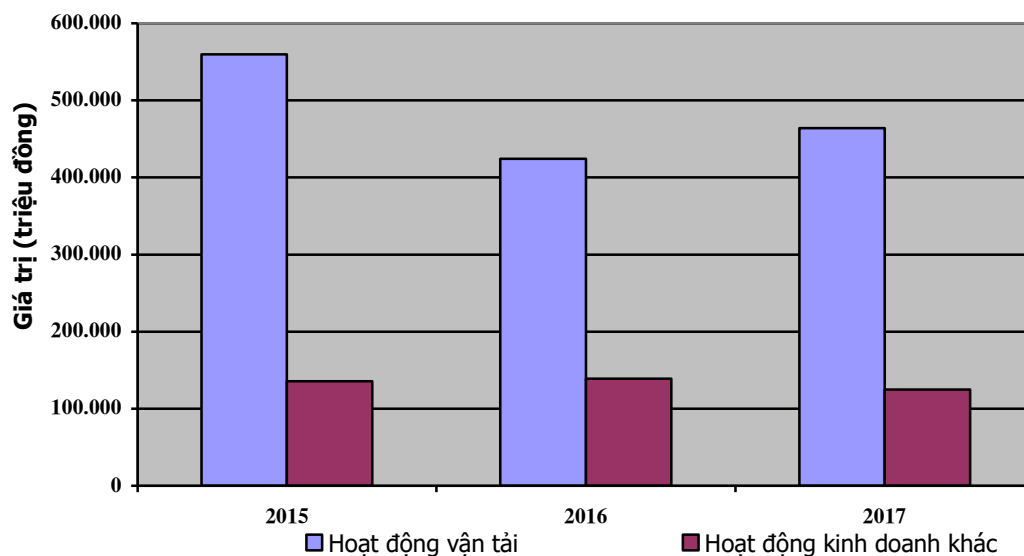
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ Giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 2: Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)
1. Hoạt động vận tải	559.855	80,51	424.330	75,34	463.873	78,88
2. Hoạt động kinh doanh khác	135.467	19,49	138.850	24,66	124.972	21,12
2.1. Hoạt động dịch vụ	108.605	15,61	124.980	22,19	95.712	16,25
2.2. Hoạt động khác	26.862	3,88	13.870	2,47	29.260	4,87
Tổng cộng	695.322	100	563.180	100	588.845	100

Biểu đồ 1: Tỷ trọng doanh thu của Công ty qua các năm



Trong năm 2017, sự mất cân đối cung cầu về đội tàu biển đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các hãng tàu. Nguồn cung tàu quá lớn so với nhu cầu vận chuyển ở thị trường nội địa cũng tạo ra sự cạnh tranh về cước và ùn tắc cầu bến. Chân hàng vận chuyển chính trong nửa đầu năm 2017 là xi măng, than, nông sản. Trong quý II, một số tàu tham gia vận chuyển hàng xuất nhập khẩu và chở thuê phải đối mặt với rủi ro từ hoạt động giao thương dẫn đến thời gian chờ xếp (than xuất khẩu đi Indonesia) và dỡ hàng (gạo nhập khẩu vào Philippines) kéo dài. Trong nửa cuối năm 2017 nhờ điều kiện thị trường ấm lên và với sự chỉ đạo quyết liệt của ban lãnh đạo công ty nên hoạt động khai thác của đội tàu đã có những chuyển biến tích cực. Với những lý do trên, kết quả doanh thu năm 2017 đã được cải thiện đáng kể, cao hơn so với năm 2016.

➤ Chi phí sản xuất

Bảng 3: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	642.407	92,38	549.744	103,3	598.149	107,03
Chi phí tài chính	70.433	10,13	52.821	9,92	30.393	5,44
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>38.294</i>	<i>5,5</i>	<i>40.966</i>	<i>7,69</i>	<i>30.300</i>	<i>5,42</i>
Chi phí bán hàng	10.207	1,47	6.416	1,2	10.976	1,96
Chi phí quản lý	27.539	3,96	28.776	5,4	24.256	4,34
Chi phí khác	332	0,04	1.121	0,21	213.271	38,17
Tổng chi phí	750.918	107,98	638.878	120,05	877.045	156,94
Doanh thu thuần	695.322	100	532.186	100	558.845	100

➤ Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, Vinaship liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại

bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

➤ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng đối với toàn bộ các loại hình dịch vụ mà Công ty đang cung cấp. Việc quản lý chất lượng của Công ty do Ban An toàn đảm trách.

Chính sách chất lượng của Vinaship luôn luôn là cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Để đạt được những điều này, Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của họ.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do đó thường xuyên giáo dục, đào tạo để mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và có hiệu quả, phát triển sự hợp tác của mọi thành viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng.
- Công ty đề cao vấn đề chất lượng dịch vụ và sản phẩm, coi đó là trọng tâm hàng đầu. Vì thế, Công ty đã đề ra các biện pháp cũng như trang bị các thiết bị hiện đại ứng dụng những công nghệ quản lý tiên tiến nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng dịch vụ theo đúng các tiêu chuẩn quy định trong lĩnh vực vận chuyển giao nhận.
- Công ty cũng tổ chức các lớp học đào tạo và đào tạo lại cho các Sĩ quan thuyền viên do các chuyên gia trong và ngoài nước tập huấn, đồng thời cử các kỹ sư, cán bộ trẻ đi học và tập huấn nước ngoài để nâng cao trình độ quản lý, công tác.

➤ **Hoạt động marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Vinaship cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing, đặc biệt khi Vinaship là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề. Thực hiện tốt chính sách Marketing góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty, phân phối các sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách tốt nhất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Vinaship. Nhận thức được điều đó, gần đây, Vinaship cũng quan tâm tới việc xây

dựng và quảng bá thương hiệu. Ngoài ra, mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty đều có bộ phận Marketing để chăm sóc khách hàng, tiếp cận tìm kiếm khách hàng mới và khách hàng có tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. Các Trưởng, Phó phòng ban có trách nhiệm đề ra phương hướng, kế hoạch Marketing, đồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện.

➤ **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu Vinaship đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Mẫu nhãn hiệu:



Bộ nhãn hiệu của công ty được đăng ký và bảo vệ theo Quyết định số 17715/QĐ-SHTT ngày 18/8/2009. Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu: 10 năm kể từ ngày nộp đơn (30/5/2008)

Các dấu hiệu nhận dạng thương hiệu:

- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh lam, trắng, đen
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng

Danh mục các sản phẩm, dịch vụ được mang nhãn hiệu của Công ty:

- Nhóm 35: Mua bán công ten nơ, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ tuyển dụng và xuất khẩu lao động, đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa
- Nhóm 36: Dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa tàu biển
- Nhóm 39: Dịch vụ vận tải biển, đại lý tàu biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ bảo quản và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

➤ **Danh sách Ban điều hành**

Ban Giám đốc điều hành hiện nay của Công ty gồm có năm (04) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc. Ban giám đốc điều hành do

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban điều hành Công ty

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
TGD	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	040061000060
Phó TGD	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647
Phó TGD	Trần Dũng Chiến	22/02/1962	030188207
Phó TGD	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031065889

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

1) Ông Vương Ngọc Sơn

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 23/7/1961
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 040061000060 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 9/24 Lê Quỳnh, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1986-1996	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
1997	Công ty Vận tải biển III	Học nghiệp vụ
1998 – 2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng
2007 – 4/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng kế toán, kế toán

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
		trưởng, ủy viên HĐQT
4/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 77.390 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.800.000 cổ phần (14% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ	3.100	0,0155
2	Vương Minh Hải	Em	1.300	0,0065

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Nguyễn Quang Duy

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/6/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030633647 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7/200, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
7/1987 – 2/1989	Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô	Thợ máy dưới tàu

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
3/1989 – 6/1996	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
7/1996 – 11/2003	Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Sỹ quan máy
12/2003 – 1/2006	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
1/2007 – 6/2009	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó trưởng phòng Vật tư
6/2009 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.600 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 2.200.000 cổ phần (11% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hương Duyên	Vợ	11.000	0,06
2	Nguyễn Quang Sơn	Con	15.000	0,075

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Trần Dũng Chiến

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/02/1962

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030188207 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7b/136 Nguyễn Đức Cảnh, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
5/1985 – 3/1998	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
4/1998 – 3/2000	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
4/2000 – 6/2002	Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại	Phó Giám đốc
6/2002 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
7/2006 – 7/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Kinh doanh
7/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc
5/2017- Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Phó TGD

Các chức vụ tại tổ chức khác:

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4) Ông Dương Ngọc Tú

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 20/10/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031065889 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 74/261 Trần Nguyên Hãn, Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
8/1999 -6/ 2006	Công ty vận tải biển III	Cán bộ
7/2006 – 12/2006	Công ty vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – 2008	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng phụ trách p.Đầu tư – phát triển đội tàu
2008 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Đầu tư – Đối ngoại
2012 – 7/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng p.Đầu tư đối ngoại, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container
7/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 100.000 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 2.200.000 cổ phần (11% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thu Hằng	Vợ	6.730	0,034

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

❖ **Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VINASHIP luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2017, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 613 người

Bảng 4 : Bảng kê tình hình lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính : Người

Yếu tố	31/12/2016	31/12/2017
• Số lượng nhân viên	703	613
• Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.145.000	8.600.420
Phân theo trình độ chuyên môn		
• Đại học và Trên đại học	278	231
• Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp	425	382
Phân theo thời hạn hợp đồng		
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT,CT Đoàn)	6	6
• Hợp đồng không xác định thời hạn	537	412
• Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	126	133
• Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	35	62

✦ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng hải. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập

- Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Trong tình trạng khó khăn chung, công ty đã cố gắng thực hiện chi trả lương, trích nộp bảo hiểm cho người lao động đầy đủ, đúng hạn. Lương bình quân lao động toàn công ty ước đạt 8.600.420 đồng/người/tháng.

- Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

- Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết, cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;

- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cưới hỏi, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9)
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ Tình hình đầu tư

❖ Đầu tư phương tiện năm 2017

Do thị trường chưa thuận lợi và đang khó khăn về vốn, năm 2017 công ty tạm dừng các dự án mua bán/ đóng mới tàu. Việc bán tàu già cũ, hoạt động không hiệu quả cũng chưa được triển khai do giá mua bán trên thị trường chưa phù hợp.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình tài chính Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	948.236.079.481	873.290.410.806	- 7,9%
Doanh thu thuần	532.185.914.046	558.845.017.673	5,01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(97.942.157.094)	(101.692.585.691)	3,83%
Lợi nhuận khác	(670.242.365)	25.808.740.361	-3.950,6%
Lợi nhuận trước thuế	(98.612.399.459)	(75.883.845.330)	-23,05%
Lợi nhuận sau thuế	(98.612.399.459)	(75.883.845.330)	-23,05%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	0,4	0,39	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSNH – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,31	0,29	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,92	0,99	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	11,24	554,4	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	16,72	16,22	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,56	0,64	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,19	-0,13	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-1,27	-48,26	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,1	-0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,18	-0,18	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

➤ Cổ phần

Mã chứng khoán:	VNA
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	20.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần niêm yết:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

➤ Các dữ liệu thống kê về cổ đông

❖ Cổ đông trong nước

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 10/3/2016		Tại ngày 09/3/2017	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	10.270.000	51,35	10.270.000	51,35
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	10.200.000	51	10.200.000	51
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	70.000	0,35	70.000	0,35
2	Cổ đông cá nhân	9.306.890	46,53	8.811.850	44,06

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội	0106000600	10.200.000	51

❖ Cổ đông nước ngoài

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 10/3/2016		Tại ngày 09/3/2017	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	240.250	1,2	421.970	2,1
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0		
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	240.250	1,2	421.970	2,1
2	Cổ đông cá nhân	182.860	0,92	496.180	2,49

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000	0	0	200.000.000.000

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ Những thuận lợi, khó khăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ Thuận lợi

- Thị trường vận tải hàng khô quốc tế trong năm 2017 đã có những chuyển biến và phục hồi nhất định, nhất là trong 6 tháng cuối năm. Chỉ số BDI từ mốc 900 điểm vào cuối năm 2016 đã tăng dần và đạt ngưỡng 1400-1500 điểm vào quý IV năm 2017. Mức phục hồi của thị trường tàu hàng khô quốc tế đã có tác động tích cực lên tất cả các nhóm tàu, tuy nhiên mức độ phục hồi của nhóm handysize ở mức khiêm tốn hơn một số thị trường chính khác. Chính điều này đã làm giảm tác động tích cực của việc phục hồi thị trường đến đội tàu công ty.

- Đội tàu công ty phần lớn hoạt động ở tuyến ngắn trong khu vực Đông Nam Á, thường xuyên ghé các cảng trong nước để làm hàng nên công ty có điều kiện thuận lợi hơn trong việc kiểm tra đánh giá tình trạng kỹ thuật, tổ chức công tác sửa chữa bảo dưỡng máy móc với chi phí tiết kiệm hơn tại nước ngoài.

- Sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT, ban giám đốc, đội ngũ cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chuyên môn, giữa khối quản lý và phương tiện.

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thông qua những người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

❖ **Khó khăn**

Khó khăn khách quan

- Việc khó giảm chi phí và chịu ảnh hưởng bởi các công ước quốc tế là những khó khăn nổi bật của ngành vận tải biển trong năm vừa qua. Do khó khăn của thị trường kéo dài, giá cước giảm nên hàng trăm tàu đã chuyển về hoạt động nội địa, hoặc bán đi phá dỡ. Năm 2017 dù đã có thêm hơn 110 tàu đóng mới để bổ sung nhưng thực tế, đội tàu Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu. Hơn nữa, số lượng các tàu già, cũ vẫn còn nhiều, không còn đáp ứng được các điều kiện của thị trường ngày càng đòi hỏi cao hơn và cả các điều kiện trong các công ước mà Việt Nam tham gia. Do đó, việc làm mới và nâng cấp đội tàu là vấn đề cấp thiết.

- Vận tải đường thủy thời gian gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực do đội tàu sông pha biển chạy tuyến bắc - nam đã kéo phần nào chi phí vận tải nội địa xuống thấp. Song, đây vẫn còn là lĩnh vực khá nhiều hiểm nguy và bất cập do phát triển rầm rộ và chưa đảm bảo an toàn làm cho nhiều tàu bị tai nạn, gây thiệt hại rất lớn.

Khó khăn chủ quan

- Đội tàu công ty hiện gồm 10 chiếc với tổng trọng tải 169.096 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 27.841 DWT, tuổi bình quân của đội tàu xấp xỉ 21 tuổi trong đó có 1 tàu trên 30 tuổi treo cờ nước ngoài, 2 tàu chủ lực đã 28 tuổi. Tốc độ khai thác bình quân của đội tàu hiện ở mức thấp, nhiều tàu chạy dưới 10 hải lý/giờ trong điều kiện hành hải và thời tiết không quá khắc nghiệt khiến thời gian chuyển kéo dài, tiêu hao nhiên liệu tăng và làm giảm hiệu quả khai thác.

- Phương thức khai thác của đội tàu trong năm 2017 chủ yếu là tàu chuyển với tuyến khai thác chính trong khu vực Đông Nam Á và Bắc Á, trong đó phần lớn là hàng xuất nhập khẩu và chở thuê, tỷ trọng hàng nội địa (than, clinker) giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Việc điều chỉnh này là do tình trạng neo chờ giải phóng hàng nội địa tại các đầu bến phía Nam chưa có nhiều cải thiện, giá cước không bù đắp được thiệt hại ngày tàu đồng thời việc thanh quyết toán tiền cước còn bị kéo dài. Chân hàng vận chuyển chính trong nửa đầu 2017 là xi măng, than, nông sản...nhưng trong quý II một số tàu Vinaship tham gia vận chuyển hàng xuất nhập khẩu và chở thuê phải đối mặt với rủi ro từ hoạt động giao thương dẫn đến phát sinh thời gian chờ

xếp (than xuất khẩu của Indonesia và dỡ hàng (gạo nhập khẩu vào Philipines) quá lâu, ảnh hưởng đến nguồn thu và hiệu quả kinh doanh. Trong nửa cuối năm 2017, và đặc biệt trong quý IV, đội tàu Vinaship tập trung ưu tiên các chân hàng có năng suất bốc dỡ và quay vòng phương tiện nhanh như xi măng, sắt thép.

- Trong năm 2017, công ty có 04 tàu đến hạn lên đà sửa chữa định kỳ là Mỹ Vượng, Mỹ Thịnh, Mỹ An, Vinaship Sea; thời gian tàu dừng khai thác để phục vụ sửa chữa kéo dài từ 30-60 ngày/tàu. Do mật độ các tàu nằm sửa chữa tại các nhà máy trong nước rất đông nên tình trạng thiếu công nhân cũng như chờ đà đỗ dẫn tới việc thời gian sửa chữa lớn của tàu không rút xuống như kỳ vọng mặc dù công ty đã có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát hạng mục, tiến độ sửa chữa.

➤ **Các giải pháp đã áp dụng**

- *Nhóm biện pháp thị trường:* Tiếp tục duy trì nguồn hàng truyền thống để giữ chân hàng cho các tàu cũ, tuổi cao, sức cạnh tranh yếu; liên kết với các hãng tàu, cảng biển để tăng sức cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển hàng container nội địa. Hợp tác cùng các doanh nghiệp trong Vinalines để tham gia vào chuỗi cung cấp dịch vụ với các hợp đồng trọn gói mà Vinalines làm đầu mối.

- *Nhóm biện pháp điều hành khai thác:* Triển khai các biện pháp khả thi để cải thiện tốc độ bình quân của đội tàu, làm tốt công tác thu xếp đầu bến, giải phóng tàu nhanh nhằm quay vòng phương tiện.

- *Nhóm giải pháp quản lý:* Tiếp tục tăng cường công tác quản lý kỹ thuật vật tư an toàn hàng hải; tăng cường công tác thực thi và giám sát thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng của thuyền viên trên các tàu theo đúng quy trình và kế hoạch đã lập, nâng cao công tác quản lý kỹ thuật, bảo đảm an toàn về phương tiện hàng hóa, con người và môi trường để tăng ngày tàu tốt, giảm thời gian sửa chữa. Lập kế hoạch rà soát định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhờn của từng tàu, từng chuyến nhằm tiết kiệm tối đa chi phí nhiên liệu trong giá thành vận tải.

- *Nhóm giải pháp nguồn nhân lực:* Tiếp tục công tác đào tạo, huấn luyện thường xuyên để nâng cao chất lượng, kỹ năng thuyền viên làm việc; quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, sỹ quan, thuyền viên, tạo điều kiện tốt nhất để mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- *Các công việc khác:* Nghiên cứu thị trường tàu phá dỡ để tham mưu ban lãnh đạo xem xét lựa chọn thời điểm bán tàu Vinaship Ocean; đẩy nhanh việc tái cơ cấu tài chính đối với các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Các chỉ tiêu sản xuất chính

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm không mấy khả quan, nhưng nhờ điều kiện thị trường ấm lên và những biện pháp quyết liệt nên kết quả hoạt động khai thác kinh doanh đội tàu trong 6 tháng cuối năm đã có chuyển biến tích cực, dòng tiền đã được cải thiện đáng kể, kéo theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 có chiều hướng khả quan hơn, cụ thể như sau:

Bảng 7: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
1	Sản lượng vận tải	Tấn	1.700.000	1.572.815	92,52
2	Doanh thu HĐ SXKD	Đồng	571.501.090.439	588.104.992.243	102,91
a	Hoạt động vận tải biển	Đồng	454.500.000.000	463.873.138.400	102,06
b	Hoạt động tài chính	Đồng		3.237.962.722	
c	Hoạt động dịch vụ	Đồng	117.001.090.439	94.971.879.273	81,17
d	Thu khác	Đồng		26.022.011.848	
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	(119.006.098.637)	(75.883.845.330)	
a	Hoạt động vận tải biển	Đồng	(121.726.098.637)	(77.653.061.958)	
b	Trong đó hoạt động tài chính	Đồng		(27.155.537.965)	
c	Hoạt động dịch vụ khác	Đồng	2.720.000.000	3.116.014.232	114,56
d	Lợi nhuận khác	Đồng		25.808.740.361	

❖ Hoạt động đầu tư

Do thị trường chưa thuận lợi và đang khó khăn về vốn, trong năm 2017, công ty tạm dừng các dự án mua bán/ đóng mới tàu. Việc bán tàu già cũ, hoạt động không hiệu quả cũng chưa được triển khai do giá mua bán trên thị trường chưa phù hợp.

❖ Công tác tiền lương

Tổng số lao động của toàn công ty tính đến tháng 12 năm 2017 là 613 người, trong đó khối tàu bao gồm cả dự trữ là 335 người, văn phòng 96 người, 02 xí nghiệp và ban quản lý& khai

thác bãi container là 164 người, đội sửa chữa phương tiện 13 người. Trong tình trạng khó khăn chung của các doanh nghiệp vận tải biển, công ty đã cố gắng thực hiện chi trả lương, trích nộp bảo hiểm cho người lao động đầy đủ, đúng hạn. Lương bình quân người lao động toàn công ty ước đạt 8.600.420 đ/người/tháng .

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cùng với nhiệm vụ thực hiện giám sát thu chi, công nợ, công ty đã nỗ lực cố gắng cân đối kế hoạch thu chi và làm việc với các ngân hàng để cơ cấu lại các khoản vay nợ trong điều kiện có nhiều khó khăn về tài chính. Trong quý IV/2017, công ty đã hoàn thành xong việc cơ cấu lại (miễn giảm, hoãn trả nợ) đối với 2 khoản vay đầu tư 2 tàu Mỹ Hưng và Vinaship Gold tại ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB). Tuy nhiên, tiến trình tái cấu trúc các khoản nợ ngắn hạn và trung hạn tại các ngân hàng TMCP Việt Nam, TMCP Công thương Việt Nam và Bảo Việt vẫn còn một số vướng mắc nên chưa thực hiện được trong năm 2017 và phải tiếp tục triển khai trong năm 2018, 2019.

Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<i>1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>	Lần		
+ Tài sản cố định/Tổng tài sản		0,82	0,78
+ Tài sản lưu động/Tổng tài sản		0,01	0,17
<i>2. Khả năng thanh toán</i>	Lần		
+ Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Khả năng thanh toán hiện hành)		0,92	0,99
+ <u>Tài sản lưu động – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán nhanh)		0,31	0,3
+ Khả năng thanh toán bằng tiền Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn		0,03	0,06
<i>3. Tỷ suất lợi nhuận</i>	%		

+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		-0,18	-0,13
+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		-0,1	-0,08
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ		-0,5	-0,3

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

Dự báo diễn biến thị trường vận tải hàng khô có triển vọng phục hồi tích cực. Chỉ số BDI dự đoán giao động quanh mức 1300-1600 điểm, chỉ số giá cước cỡ tàu handysize (BHSI) giao động quanh mức 500-600 điểm. Để có thể duy trì hoạt động kinh doanh có hiệu quả, công ty sẽ tiếp tục khai thác tại các tuyến trong khu vực và chở thuê, thực hiện vận chuyển các mặt hàng truyền thống như than đá, nông sản, đá vôi, phân bón, clinker, thạch cao...

Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn cả nội tại và khách quan bên ngoài. Tuổi tàu bình quân hiện tại đã khá cao (21 tuổi), trong đó ¾ tàu handysize là 21 tuổi, 2 tàu chủ lực 14 nghìn tấn đều 27-28 tuổi, 1 tàu 31 tuổi. Điều này làm giảm mạnh khả năng cạnh tranh với các đội tàu bạn vốn có tuổi tàu trẻ hơn đáng kể. Trong năm 2018, đội tàu công ty sẽ có 02 tàu lên đà sửa chữa định kỳ, điều này ảnh hưởng đến thời gian vận doanh của đội tàu.

Nguồn vốn lưu động vẫn tiếp tục đi huy động từ nguồn vay ngắn hạn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng để duy trì thanh khoản cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí tài chính, đặc biệt chi phí chênh lệch tỷ giá tiếp tục là áp lực lớn đối với công ty. Các hoạt động sản xuất khác cũng chịu nhiều áp lực, mảng kinh doanh dịch vụ vận tải nội địa trong đầu năm đã phải đối mặt với những khó khăn do sản lượng dự kiến tiếp tục thấp hơn so với năm trước. Các mảng đại lý dịch vụ vận tải, trung chuyển hàng hóa khác bước đầu đã có một vài tín hiệu tích cực nhất định nhưng do áp lực cạnh tranh lớn nên biên độ lợi nhuận còn khá nhỏ.

➤ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Với dự kiến tình hình thị trường, nguồn hàng và năng lực đội tàu như trên, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2018 như sau:

- Tổng trọng tải: 168.641 DWT/ 10 chiếc
- Sản lượng: 1.525.000 tấn
- Doanh thu: 645.049.000.000 đồng

Trong đó: + Doanh thu vận tải: 470.000.000.000 đồng

+ Doanh thu khác: 175.049.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 1.072.000.000 đồng

- Nộp ngân sách 100% theo quy định;

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

➤ Kinh doanh, khai thác

Công ty tiếp tục tập trung vào việc ký kết các COA có khối lượng lớn, hợp đồng dài hạn, các dự án vận chuyển cho các nhà máy nhiệt điện, xi măng nhằm thiết lập chân hàng ổn định cho đội tàu. Bên cạnh đó phải duy trì nguồn hàng truyền thống và khai thác khi có điều kiện. Mở rộng các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong các lĩnh vực đại lý, môi giới, dịch vụ vận tải biển, dịch vụ kho bãi, forwarding theo hướng kết hợp các thế mạnh hiện có để tăng tính cạnh tranh.

Tăng cường công tác giải phóng tàu để rút ngắn thời gian xếp dỡ, thời gian quay vòng chuyển đi, giảm chi phí ngày tàu và nhằm tăng doanh thu, hiệu quả cho đội tàu.

➤ Quản lý kỹ thuật, vật tư

Công ty sẽ tăng cường công tác bảo quản bảo dưỡng để giảm thiểu các hư hỏng đột xuất đối với các tàu, đặc biệt là các tàu lớn, hoạt động trên tuyến xa và cho thuê định hạn.

Tiến hành rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư đối với tất cả các tàu, kiểm soát chặt chẽ tốc độ chạy tàu nhằm tránh thất thoát về nhiên liệu.

➤ Dịch vụ

Dịch vụ là lĩnh vực hoạt động có hiệu quả trong năm 2017, tuy nhiên mức lợi nhuận chưa đạt mức kỳ vọng. Trong năm 2018, Công ty sẽ tập trung các biện pháp khai thác, quản lý để nâng cao hiệu quả dịch vụ forwarding, khai thác bãi container ...

➤ Công tác nhân sự, thuyền viên

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, tốt về chất lượng nên sẽ có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại phù hợp với thực tiễn sản xuất và yêu cầu của Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Đồng thời, Công ty sẽ tập trung nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

➤ Công tác khác

Nếu thị trường có chuyển biến tích cực, Công ty sẽ tính toán phương án bán một số tàu cũ khai thác không hiệu quả đồng thời tăng cường cho thuê định hạn một số tàu sẽ giảm áp lực về vốn và mức lỗ do các tàu cũ sẽ làm giảm mức phải trả lãi vay và tạo điều kiện cải thiện nguồn vốn.

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

➤ **Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2017**

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta. Ở trong nước, bên cạnh các vấn đề tồn tại của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, cùng với giá thịt lợn giảm mạnh, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017 của cả nước.

➤ **Tình hình ngành vận tải biển**

Năm 2017, thị trường vận tải biển trong nước tuy có ấm lên nhưng vẫn chưa thực sự khởi sắc. Về vận tải biển quốc tế, lâu nay nước ta phát triển đội tàu chở hàng rời là chủ yếu và đa số là tàu nhỏ. Sự suy giảm kinh tế thế giới thời gian qua khiến hoạt động kinh doanh vận tải biển quốc tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thiếu hàng để chở, thiếu kinh phí để nâng cấp, bảo dưỡng, thường gặp nhiều đối tác thiếu uy tín, nạn lừa đảo xảy ra liên tục... Vì vậy, đội tàu nói chung không thể phát triển tốt được và số lượng tàu chạy quốc tế ngày càng giảm dần. Về vận tải nội địa, số lượng tàu chạy hàng rời nội địa tăng lên, do các tàu chạy quốc tế sau một thời gian kinh doanh đã xuống cấp, không còn đáp ứng được các yêu cầu đi tuyến quốc tế nữa nên đã trở về thị trường nội địa. Số lượng tàu chạy nội địa tăng còn vì một nguyên nhân khác, đó là chủ trương cho các tàu sông pha biển chạy tuyến Bắc - Nam. Và chính do sự gia tăng mạnh số lượng các loại tàu sông pha biển này mà lượng cung tàu trở nên quá nhiều so với lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, dẫn đến giá cước giảm thấp.

➤ **Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2017**

Trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, nguồn hàng hóa chuyên chở trở nên khan hiếm, chi phí hoạt động vận tải biển lại biến động tăng so với năm trước, tỷ trọng hàng nội địa giảm mạnh do tình trạng neo chờ tại các cảng chưa có nhiều cải thiện, giá cước không bù đắp được chi phí, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 vừa qua tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu để đảm bảo nguồn hàng cho đội tàu, tiết giảm chi phí tối đa để giảm lỗ tới mức thấp nhất và giữ doanh nghiệp ổn định:

- Tổng doanh thu: 558.845.017.673 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (75.883.845.330) đồng
- Nộp ngân sách 100% theo quy định Nhà nước
- Bảo đảm được mức lương của CBCNV và thuyền viên theo mặt bằng chung của ngành.

Bảng 8 : Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2017

Tài sản (đồng)			Nguồn vốn (đồng)		
Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017	Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản ngắn hạn	150.723.958.235	151.480.646.315	Nợ phải trả	871.718.056.209	870.779.879.554
Tài sản dài hạn	722.566.452.571	796.755.433.166	Vốn CSH	1.572.354.597	77.456.199.927
Tổng cộng	873.290.410.806	948.236.079.481	Tổng cộng	873.290.410.806	948.236.079.481

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2017

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của ban giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Ban giám đốc đã nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty cũng như diễn biến thị trường để triển khai hoạt động SXKD phù hợp với đơn vị. Ban giám đốc đã thực hiện tốt Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của hội đồng quản trị. Mặc dù vậy, công tác điều hành trong năm 2017 vẫn còn những hạn chế nhất định như công tác bảo quản, bảo dưỡng tàu chưa thực sự tốt, ý thức kỷ luật và tính chuyên nghiệp của thuyền viên chưa cao, chưa chủ động nguồn hàng cho đội tàu trong một số giai đoạn, vẫn còn tình trạng thiếu hụt hàng hóa vận tải, thất thoát vật tư nhiên liệu ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2018

➤ Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới

Theo báo cáo " Tình hình và những triển vọng của nền kinh tế thế giới năm 2018" của Liên hợp quốc, năm 2017 kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011 và mức tăng trưởng này sẽ tiếp tục được duy trì trong các năm 2018 và 2019. Sở dĩ nền kinh tế toàn cầu đạt được mức tăng trưởng như vậy chủ yếu là nhờ tốc độ tăng trưởng mạnh của một số

nền kinh tế phát triển. Ngoài ra, việc các quốc gia như Argentina, Brazil, Nigeria và Nga thoát khỏi suy thoái cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

Sự tăng trưởng mạnh của nền kinh tế thế giới đã tạo cơ hội cho các quốc gia tập trung chính sách vào việc giải quyết những vấn đề như biến đổi khí hậu, tình trạng bất bình đẳng và những trở ngại về thể chế đối với phát triển.

Mặc dù đạt thành tựu về ngắn hạn như trên, kinh tế thế giới tiếp tục phải đối mặt với những nguy cơ như sự thay đổi trong chính sách thương mại của các quốc gia, tình hình tài chính toàn cầu suy giảm đột ngột và sự gia tăng những căng thẳng địa chính trị, cùng với những thách thức về dài hạn. Báo cáo chỉ ra 4 lĩnh vực mà cải thiện tình hình kinh tế vĩ mô có thể mở đường để giải quyết những thách thức này, bao gồm: tăng cường đa dạng hóa nền kinh tế, giảm bất bình đẳng, hỗ trợ đầu tư dài hạn và giải quyết những thiếu sót về thể chế.

Tác động đến Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam sẽ bước sang năm 2018 với những yếu tố thuận lợi nhất định, nhưng thách thức khó khăn là rất lớn. Về mặt thuận lợi, trước hết có thể kể đến dự báo khá lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu năm 2018, tạo điều kiện để thúc đẩy gia tăng xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, nếu Việt Nam tận dụng được cơ hội của các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết. Kinh tế Mỹ được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, kinh tế châu Âu tiếp tục phục hồi, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc có thể chậm lại nhưng vẫn duy trì trên 6%. Giá dầu thô năm 2018 được dự báo sẽ duy trì ổn định ở mức 51 đến 55 USD/thùng, riêng IMF dự báo khá lạc quan, ở mức 55USD/thùng.

Ở trong nước, yếu tố thuận lợi cơ bản là kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh... được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt sẽ phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động đầu tư - kinh doanh. Đặc biệt, việc triển khai Nghị quyết Hội nghị TW5 về đẩy mạnh cải cách thể chế, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế... được kỳ vọng sẽ tạo cú huých mới cho kinh tế tư nhân phát triển. Cùng với đó là niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng phát triển của Việt Nam tiếp tục được củng cố, nhất là sau Hội nghị cao cấp APEC và trong bối cảnh an ninh tại nhiều nước bất ổn do tình trạng khủng bố.

Bên cạnh những thuận lợi, khó khăn thách thức với nền kinh tế vẫn còn rất lớn. Ở trong nước, nhiều thách thức rủi ro đối với quý IV/2017 còn kéo dài sang năm 2018. Bên cạnh đó, việc nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2017 cũng là một thách thức cho tăng trưởng 2018, nhất là trong bối cảnh tài nguyên cạn kiệt, sản xuất của ngành công nghiệp khai

khoảng tiếp tục giảm, công nghiệp chế tạo khó có đột phá mới, nông nghiệp vẫn đứng trước rủi ro lớn do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu...

➤ **Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát;
- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2018 đạt hiệu quả;
- Năm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho công tác quản lý điều hành, hạn chế những rủi ro cho Công ty;
- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty;
- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Thảo luận các phương án, kế hoạch, chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty;
- Nghiên cứu phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 15 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư ...

- Thành phần Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND	Ghi chú
Chủ tịch	Hoàng Lê Vượng	15/9/1968	012705257	Bổ nhiệm từ 26/5/2017
Phó Chủ tịch	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529	
Ủy viên	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647	
Ủy viên	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031065889	
Ủy viên	Phạm Văn Toàn	20/6/1961	030640587	
Ủy viên	Trần Dũng Chiến	22/2/1962	031062000916	Bổ nhiệm từ 26/5/2017
Ủy viên	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200	Miễn nhiệm CTHĐQT, Bổ nhiệm ủy viên HĐQT từ 26/5/2017

▪ **Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị**

1) Ông Hoàng Lê Vượng

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 15/9/1968
 Nơi sinh: Hải Dương
 Chứng minh nhân dân: 012705257 do Công an Hà Nội cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 04 lô 10B đường Trung Yên 9, Cầu Giấy, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy, Tiến sĩ cơ khí động cơ
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
11/1992 – 8/1999	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Đăng kiểm viên, đánh giá viên HTQLAT, HTQLCL
9/1999 - 10/2002	Đại học POITIER – Cộng hòa Pháp	Nghiên cứu sinh Tiến sỹ
11/2002 – 5/2007	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Phó chánh VP, trợ lý cục trưởng, tổng thư ký HĐKH
7/2007 – 3/2008	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Chánh VP, trợ lý cục trưởng, tổng thư ký HĐKH
4/2008 – 3/2013	Đăng kiểm quốc tế Bureau của Pháp tại Việt Nam	Giám đốc đăng kiểm hàng hải
4/2013 – 3/2013	Tổng công ty hàng hải Việt Nam	Chuyên viên ban quản lý tàu
8/2013 đến nay	Ban quản lý thuyền viên và tàu biển Tổng công ty hàng hải Việt Nam	Phó trưởng ban

Các chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty hàng hải Việt Nam tại công ty sửa chữa tàu biển Vinalines và công ty CP hàng hải Đông Đô.

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 3.000.000 cổ phần (15% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Bích Diệp	Vợ	Không	0
2	Hoàng Lê Minh	Con trai	Không	0
3	Hoàng Lê Cường	Con trai	Không	0

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Vương Ngọc Sơn: (Như đã trình bày ở trên)

3) Ông Nguyễn Quang Duy: (Như đã trình bày ở trên)

4) Ông Dương Ngọc Tú: (Như đã trình bày ở trên)

5) Ông Phạm Văn Toàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng TCCB-LĐ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/6/1961

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030640587 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 5/2 Lương Văn Can, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lái tàu biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
3/1986 – 8/1987	Công ty vận tải biển III	Thủy thủ tàu biển
1988 - 1997	Công ty vận tải biển III	Sỹ quan boong
1997 – 3/2010	Công ty vận tải biển III	Thuyền trưởng
3/2010 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng TCCB – LĐ
2012 - nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng TCCB – LĐ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 35.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

6) Ông Trần Dũng Chiên: (Như đã trình bày ở trên)

7) Ông Mai Xuân Ngọt:

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 30/12/1957
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Chứng minh nhân dân: 030767200 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 35, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1/1985 – 7/1994	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
8/1994 – 11/1996	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh
12/1996 – 10/1998	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách	Phó Giám đốc Xí nghiệp
11/1998 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chũ Vẽ
5/2001 – 6/2002	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải	Giám đốc Xí nghiệp
6/2002 – 6/2004	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kinh doanh
6/2004 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
2007 – 3/2015	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ
3/2015 – 5/2017	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Chủ tịch hội đồng quản trị
5/2017 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên hội đồng quản trị

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 208.100 cổ phần
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: Không
Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Mai Quốc Huy	Con	5.000	0,025
2	Mai Thị Nga	Em gái	10.000	0,05

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017**

Năm 2017 tiếp tục là năm đầy khó khăn và thách thức đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, trước những diễn biến không thuận lợi của tình hình kinh tế trong và ngoài nước, với mục tiêu chiến lược đã được xác định, với vai trò hết sức quan trọng là đại diện cho cổ đông VINASHIP, Hội đồng quản trị Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với một quyết tâm cao độ nhằm giữ ổn định và phát triển được doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016, Hội đồng quản trị VINASHIP đã tổ chức nghiêm túc họp định kỳ đánh giá tình hình theo Quý và Ban hành các

Nghị quyết cụ thể để định hướng Ban điều hành triển khai quyết liệt mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Bám sát các chỉ tiêu Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị để theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty, vạch ra phương án, kế hoạch và giao cho Ban điều hành thực hiện triển khai
- Trong năm 2017 đã tổ chức tổng cộng 15 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét và giải quyết các công việc chính như sau:
 - Tổng kết và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016.
 - Xây dựng chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, lập kế hoạch năm 2018.
 - Sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh các quý trong năm 2017.
 - Giám sát và phê chuẩn các hợp đồng tín dụng, phương án cơ cấu tài chính Công ty.
 - Xây dựng và giao đơn giá tiền lương năm 2017.
 - Xây dựng các phương án mở rộng thị trường vận tải và thúc đẩy các hoạt động sản xuất dịch vụ. Theo dõi biến động thị trường để chỉ đạo Ban giám đốc điều hành khai thác tàu phù hợp.
 - Chỉ đạo và giám sát Ban giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, giám sát đơn giá sửa chữa đội tàu, bố trí sửa chữa đội tàu một cách hợp lý, khoa học để khai thác tối đa ngày vận doanh của tàu.
 - Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ nhân lực.
 - Lựa chọn và hợp đồng thuê Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán (AASC) thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Trong tất cả các phiên họp đều có sự tham dự của các thành viên Ban kiểm soát. Các quyết định về chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh thông qua tại các phiên họp hoặc qua thư tín đều nhận được sự nhất trí của các thành viên tham dự cuộc họp. Các nghị quyết thông qua đều được Hội đồng quản trị ủy nhiệm cho Ban điều hành thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

➤ **Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và hàng quý; tổ chức các phiên họp định kỳ (hàng quý) để tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích thị trường và lập kế hoạch cho quý tiếp theo và tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các vấn đề phát sinh; theo dõi và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí.

Về cơ bản các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Lã Thị Liên Hương	26/4/1978	011868583
Ủy viên	Phạm Thị Ngọc Anh	08/4/1979	011825640
Ủy viên	Bùi Ngọc Thanh	11/11/1977	030969366

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

1) Bà Lã Thị Liên Hương

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát,
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 26/4/1978
Nơi sinh: Vĩnh Phúc
Chứng minh nhân dân: 011868583 do Công an Thành phố Hà Nội cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: P1604 CT1 Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
2000-2004	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm	Kế toán bán hàng
2005-9/2009	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm	Cửa hàng trưởng
11/2009-11/2010	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban KTNB
11/2010-1/2016	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên 2 Ban KTNB
1/2016 - nay	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Ban TCKT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không
Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thế Diễm	Chồng	Không	0
2	Vũ Hương Giang	Con gái	Không	0
3	Vũ Bình Minh	Con trai	Không	0

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Bà Phạm Thị Ngọc Anh

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 08/4/1979
Nơi sinh: Hà Nội
Chứng minh nhân dân: 011825640 do Công an Thành phố Hà Nội cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 33 ngõ 29/70/2 Khương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:



Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/2001 – 1/2003	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính ACC	Trợ lý kiểm toán
2/2004 – 2/2007	Công ty CP Kiểm toán và tư vấn Việt Nam (VNAudit)	Kế toán
2/2008 – 9/2009	Công ty CP vàng bạc đá quý SJC Hà Nội	Kế toán
10/2009 – 10/2015	Ban quản lý vốn góp – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ
11/2015 đến nay	Ban tài chính kế toán – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Anh Tuấn	Chồng	Không	0
2	Lê Vy	Con gái	Không	0
3	Lê Kim Ngân	Con gái	Không	0

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Bùi Ngọc Thanh

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/11/1977

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030969366 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 16 Lô 22 Lê Hồng Phong, Đông Khê, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn:
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
07/1999 – 05/2004	Công ty vận tải biển III	Nhân viên kế toán
05/2004 – 10/2004	Công ty vận tải biển III	Phụ trách kế toán – Xí nghiệp dịch vụ vận tải
11/2004 - 12/2005	Công ty vận tải biển III	Nhân viên kế toán
01/2006 – 2007	Công ty CP VTB Vinaship	Phó phòng Tài chính – kế toán
2007 – 08/2012	Công ty CP VTB Vinaship	Trưởng phòng TC-KT Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ tải và dịch vụ
09/2012 – 08/2014	Công ty CP VTB Vinaship	Phó Ban quản lý và khai thác bãi Vinaship
08/2014 – đến nay	Công ty CP VTB Vinaship	Trưởng ban quản lý và khai thác bãi Vinaship

Các chức vụ tại tổ chức khác:

01/2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Ủy viên ban kiểm soát
-----------------	--	-----------------------

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Thị Thúy Hằng	Vợ	Không	0

2	Bùi Sơn Hải	Con trai	Không	0
3	Bùi Tiến Lâm	Con trai	Không	0
4	Bùi Ngọc Nam	Anh trai	3.500	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng đề Hội đồng quản trị và Ban điều hành có thêm ý kiến về các kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và những khó khăn thuận lợi trong sản xuất.

- Ban kiểm soát đã có kế hoạch và lịch làm việc báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt và đã thực hiện 2 kỳ kiểm tra báo cáo tài chính của công ty. Mỗi lần kiểm tra, Ban kiểm soát đều lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra, các nhận xét đánh giá, các kiến nghị và lập báo cáo gửi Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Qua các kỳ kiểm tra Ban kiểm soát đã thống nhất các số liệu trong báo cáo tài chính, đồng thời thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế và quy định của công ty, kiểm tra chặt chẽ các hồ sơ chứng từ trong hạch toán kế toán.

- Ban kiểm soát luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2017

a) Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 26/5/2017 và Biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2017 Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: 204.000.000 đồng (*Hai trăm linh bốn triệu đồng chẵn*), trong đó :

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị là : 156.000.000 đ
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát là : 48.000.000 đ

- Trích quỹ HĐQT năm 2016 là :

0

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2016		Năm 2017	
			Số cp	Tỷ trọng	Số cp	Tỷ trọng
Hội đồng quản trị						
1	Hoàng Lê Vượng	Chủ tịch	-	-	-	-
2	Vương Ngọc Sơn	P.Chủ tịch	77.390	0,38%	77.390	0,38%
3	Dương Ngọc Tú	Ủy viên	82.000	0,41%	82.000	0,41%
4	Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	5.600	0,03%	5.600	0,03%
5	Phạm Văn Toàn	Ủy viên	35.000	0,18%	35.000	0,18%
6	Trần Dũng Chiến	Ủy viên	13.300	0,07%	13.300	0,07%
7	Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	208.100	1,04%	208.100	1,04%
Ban giám đốc						
1	Vương Ngọc Sơn	Tổng GD	77.390	0,38%	77.390	0,38%
2	Nguyễn Quang Duy	P.Tổng GD	5.600	0,03%	5.600	0,03%
3	Dương Ngọc Tú	P.Tổng GD	82.000	0,41%	82.000	0,41%
4	Trần Dũng Chiến	P.Tổng GD	13.300	0,07%	13.300	0,07%
Ban Kiểm soát						
1	Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Phạm Thị Ngọc Anh	Ủy viên	-	-	-	-
3	Bùi Ngọc Thanh	Ủy viên	-	-	-	-

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84-24 38241990

Fax: +84-24 38253973

Website: www.aasc.com.vn

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính và tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán sau đây:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực chế độ kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 230.136.377.722 đồng, lỗ lũy kế là 281.360.367.257 đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi. »

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC)

2. Kiểm toán nội bộ: không có

3. Báo cáo tài chính (*kèm theo*)

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK Hà Nội
- Lưu ĐTDN

VƯƠNG NGỌC SƠN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

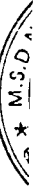
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-38



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Lê Vương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Mai Xuân Ngoạt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Đỗ Hùng Dương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Tô Hanh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Đinh Huy Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 230.136.377.722 đồng, lỗ lũy kế là 281.360.367.257 đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		150.723.958.235	151.480.646.315
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25.000.672.722	13.880.027.622
111	1. Tiền		25.000.672.722	13.880.027.622
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.554.993.400	30.600.585.202
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.554.993.400	30.600.585.202
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.004.327.167	60.137.677.805
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30.787.378.079	39.199.550.582
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.164.654.903	3.018.973.184
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.480.468.939	19.299.853.414
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.428.174.754)	(1.380.699.375)
140	IV. Hàng tồn kho	9	36.871.794.305	32.511.308.079
141	1. Hàng tồn kho		36.871.794.305	32.511.308.079
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.292.170.641	14.351.047.607
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	5.997.496.911	2.895.455.780
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.920.528.813	3.080.645.228
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	8.374.144.917	8.374.946.599
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		722.566.452.571	796.755.433.166
220	II. Tài sản cố định		682.569.274.452	781.361.525.851
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	682.569.274.452	781.361.525.851
222	- Nguyên giá		1.663.840.530.254	1.667.808.385.433
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(981.271.255.802)	(886.446.859.582)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		238.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.654.500)	(238.654.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		5.785.803.477	5.785.803.477
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	91.957.200	91.957.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		91.957.200	91.957.200
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.417.446.100	4.286.982.250
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.998.468.525	5.998.468.525
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.581.022.425)	(1.711.486.275)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		35.487.774.819	11.014.967.865
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	35.487.774.819	11.014.967.865
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		873.290.410.806	948.236.079.481

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		871.718.056.209	870.779.879.554
310	I. Nợ ngắn hạn		380.860.335.957	376.228.741.824
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	96.300.314.123	59.251.784.467
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		48.384.000	1.095.600.422
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.079.452.088	3.060.968.574
314	4. Phải trả người lao động		7.484.675.435	9.692.267.568
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.528.921.235	4.194.466.839
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	18.592.374	68.393.939
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	42.344.266.376	47.006.088.442
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	226.622.086.226	248.041.027.473
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.433.644.100	3.818.144.100
330	II. Nợ dài hạn		490.857.720.252	494.551.137.730
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	10.331.287.252	3.930.514.730
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	480.526.433.000	490.620.623.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.572.354.597	77.456.199.927
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.572.354.597	77.456.199.927
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(281.360.367.257)	(205.476.521.927)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(205.476.521.927)	(106.864.122.468)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		873.290.410.806	948.236.079.481

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng




Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc


Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	558.845.017.673	532.185.914.046
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		558.845.017.673	532.185.914.046
11	4. Giá vốn hàng bán	24	598.149.058.887	549.744.804.080
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(39.304.041.214)	(17.558.890.034)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.237.962.722	7.631.558.741
22	7. Chi phí tài chính	26	30.393.500.687	52.821.763.757
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		30.300.520.231	40.966.344.084
25	8. Chi phí bán hàng	27	10.976.426.592	6.416.081.919
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	24.256.579.920	28.776.980.125
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(101.692.585.691)	(97.942.157.094)
31	11. Thu nhập khác	29	26.022.011.848	450.973.035
32	12. Chi phí khác	30	213.271.487	1.121.215.400
40	13. Lợi nhuận khác		25.808.740.361	(670.242.365)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(3.794)	(4.931)


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		577.731.326.643	554.707.395.498
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(458.449.877.959)	(404.791.163.937)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(72.467.005.776)	(73.501.438.549)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(8.636.438.306)	(30.643.109.294)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.821.950.425	16.937.880.362
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(41.884.746.684)	(39.932.468.509)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>20.115.208.343</i>	<i>22.777.095.571</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(314.774.450)	(1.382.837.561)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		199.500.000	471.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(60.854.960.395)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.883.747.596	45.254.375.193
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.563.062	2.181.277.700
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>20.815.036.208</i>	<i>(14.331.145.063)</i>

CÔNG TY
 HỮU
 HẠN
 VINASHIP
 S
 M.T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		97.983.292.003	289.289.308.631
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(127.787.611.469)	(326.220.127.562)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.900.000)	(8.775.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(29.808.219.466)</i>	<i>(36.939.593.931)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.122.025.085	(28.493.643.423)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.880.027.622	42.374.661.125
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.379.985)	(990.080)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>25.000.672.722</u>	<u>13.880.027.622</u>

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Tại thời điểm 31/12/2017, lỗ lũy kế là 281.360.367.257 đồng (tại 31/12/2016 là 205.476.521.927 đồng), nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 230.136.377.722 đồng (tại 31/12/2016 là 224.748.095.509 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020, làm việc với các tổ chức tín dụng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn theo hướng giãn nợ, khoan nợ, miễn giảm lãi vay và mua bán nợ. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

- Trong năm 2017, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chi phí hoạt động vận tải biển lại biến động tăng so với năm trước, dẫn đến tỷ lệ lãi gộp của hoạt động vận tải biển sụt giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do rủi ro từ hoạt động giao thương, thời gian chờ xếp hàng (than xuất khẩu của Indonesia) và dỡ hàng (gạo nhập khẩu vào Philippines) quá lâu, phát sinh nhiều chi phí neo đậu cảng. Bên cạnh đó, tỷ trọng hàng nội địa (than, clinker) giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái do tình trạng neo chờ giải phóng hàng nội địa tại các đầu bến phía Nam chưa có nhiều cải thiện, giá cước không bù đắp được chi phí. Tình hình an ninh biển có bất ổn, ảnh hưởng tới tâm lý thuyền viên, buộc Công ty phải hủy một số hợp đồng vận chuyển đã ký và tìm kiếm đơn hàng khác bù đắp. Đồng thời giá nhiên liệu cao đột biến, cảng phí tăng và phát sinh các chi phí nhằm đảm bảo cho sự an toàn của đội tàu cũng làm cho kết quả kinh doanh trong năm giảm mạnh.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại Đà Nẵng

Chi nhánh tại Quảng Ninh

Xí nghiệp dịch vụ vận tải

Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ

Địa chỉ

Hồ Chí Minh

Đà Nẵng

Quảng Ninh

Hải Phòng

Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ...

Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa,

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

11
BẢNG
KẾ
A
TIỀN

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu)... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

5.
TY
HUY
TTC
GC
TP

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 | năm |
| - Phần mềm kế toán | 03 - 06 | năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

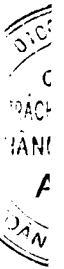
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.405.297.000	731.352.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.595.375.722	13.148.675.122
	<u>25.000.672.722</u>	<u>13.880.027.622</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	10.554.993.400	10.554.993.400	30.600.585.202	30.600.585.202
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.554.993.400	10.554.993.400	30.600.585.202	30.600.585.202
	10.554.993.400	10.554.993.400	30.600.585.202	30.600.585.202

Tại 31/12/2017, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 10.554.993.400 VND, được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất theo từng thời kỳ.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	5.998.468.525	232.406.100	(1.581.022.425)	5.998.468.525	101.942.250	(1.711.486.275)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.276.000.000	201.600.000	(1.074.400.000)	1.276.000.000	61.200.000	(1.214.800.000)
- Các cổ phiếu niêm yết khác	537.428.525	30.806.100	(506.622.425)	537.428.525	40.742.250	(496.686.275)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	4.185.040.000		-	4.185.040.000		-
	5.998.468.525	232.406.100	(1.581.022.425)	5.998.468.525	101.942.250	(1.711.486.275)

Ghi chú: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch tại ngày 31/12/2017.

(*): Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- EOL SHIPPING LIMITED	6.048.666.450	-
- Công ty TNHH Duyên Hải Star	-	3.520.197.501
- Công ty TNHH đầu tư phát triển quốc tế Sơn Hà	4.338.704.000	3.850.170.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	20.400.007.629	31.829.183.081
	30.787.378.079	39.199.550.582

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu	-	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần logistics NPL	270.864.000	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Thành Đạt	306.681.600	-	-	-
- Công ty Cổ phần đóng tàu Biển Bắc	415.800.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đại lý tàu biển phía Bắc	328.116.541	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	843.192.762	-	18.973.184	-
	2.164.654.903	-	3.018.973.184	-

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.582.762.034	-	2.237.753.263	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	116.950.361	-	84.654.394	-
Tạm ứng	6.473.053.920	-	5.091.377.498	-
Các khoản chi hộ	1.130.394.566	-	1.103.319.653	-
Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
Phải thu tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự và thân tàu	1.870.108.504	-	2.642.995.315	-
Phải thu khác	964.711.980	-	797.265.717	-
	20.480.468.939	-	19.299.853.414	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-	636.440.000	-
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	-	484.952.633	-
- Các khoản khác	306.782.121	-	259.306.742	-
	1.428.174.754	-	1.380.699.375	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.687.394.164	-	32.075.067.999	-
Hàng hoá	184.400.141	-	436.240.080	-
	36.871.794.305	-	32.511.308.079	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container Hậu Phương Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
	91.957.200	91.957.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27.640.267.350	130.752.694	1.639.703.211.140	334.154.249	1.667.808.385.433
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	286.564.500	-	-	-	286.564.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.137.555.704)	-	(1.137.555.704)
- Bàn giao cho Thành phố xây dựng dự án (*)	(3.116.863.975)	-	-	-	(3.116.863.975)
Số dư cuối năm	24.809.967.875	130.752.694	1.638.565.655.436	334.154.249	1.663.840.530.254
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.824.507.587	102.757.303	871.214.580.231	305.014.461	886.446.859.582
- Khấu hao trong năm	1.067.132.930	4.285.716	96.520.555.102	12.318.180	97.604.291.928
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.137.555.704)	-	(1.137.555.704)
- Bàn giao cho Thành phố xây dựng dự án (*)	(1.642.340.004)	-	-	-	(1.642.340.004)
Số dư cuối năm	14.249.300.513	107.043.019	966.597.579.629	317.332.641	981.271.255.802
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	12.815.759.763	27.995.391	768.488.630.909	29.139.788	781.361.525.851
Tại ngày cuối năm	10.560.667.362	23.709.675	671.968.075.807	16.821.608	682.569.274.452

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 669.732.762.289 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.855.283.210 VND.

(*): Theo thông báo số 100/TB-UBND ngày 22/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thông báo về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ, Công ty Cổ phần vận tải biển Vinaship đã bàn giao mặt bằng 02 toà nhà 3 tầng, 4 tầng tại số 1 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cho nhà thầu thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá là 5.785.803.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2017 là 5.785.803.477 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	4.596.808.190	2.842.118.307
Chi phí nâng hạ chờ phân bổ	1.189.928.420	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	210.760.301	53.337.473
	<u>5.997.496.911</u>	<u>2.895.455.780</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	35.487.774.819	11.014.967.865
	<u>35.487.774.819</u>	<u>11.014.967.865</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Cockett Marine	12.722.554.949	12.722.554.949	3.300.437.522	3.300.437.522
- BMS United Bunkers (Asia) PTE LTD	5.259.585.643	5.259.585.643	7.179.448.184	7.179.448.184
- Glander International Bunkering	12.981.026.400	12.981.026.400	2.642.082.300	2.642.082.300
- KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	11.987.679.011	11.987.679.011	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	53.349.468.120	53.349.468.120	46.129.816.461	46.129.816.461
	<u>96.300.314.123</u>	<u>96.300.314.123</u>	<u>59.251.784.467</u>	<u>59.251.784.467</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.682	3.034.551.102	823.760.556	808.739.596	-	3.048.770.380
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	117.772.001	117.772.001	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	-	-	8.374.144.917	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	26.417.472	217.654.486	213.390.250	-	30.681.708
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	369.602.000	369.602.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
	8.374.946.599	3.060.968.574	1.535.789.043	1.516.503.847	8.374.144.917	3.079.452.088

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	911.325.295	1.024.695.660
- Chi phí bảo hiểm phải trả	-	665.233.179
- Chi phí phải trả khác	617.595.940	2.504.538.000
	1.528.921.235	4.194.466.839

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng và bãi xe	18.592.374	68.393.939
	18.592.374	68.393.939

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.194.182.623	2.714.231.145
- Bảo hiểm y tế	101.907.505	148.661.477
- Phải trả về cổ phần hoá	2.201.379.706	2.401.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.029.205.000
- Phải trả lãi vay	15.466.011.433	25.492.500.162
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	3.274.713.038	3.747.768.014
- Phải trả thuế TNCN	158.023.682	144.090.249
- Tiền bồi thường di dời trụ sở đợt 1 (*)	6.361.325.107	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.561.418.282	2.328.252.689
	42.344.266.376	47.006.088.442
b) Dài hạn		
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Indovinabank	10.331.287.252	3.930.514.730
	10.331.287.252	3.930.514.730

(*): Tiền bồi thường theo thông báo số 100/TB-UBND ngày 22/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty được bồi thường để bàn giao đất cho Thành phố thực hiện Dự án xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ. Số tiền bồi thường nhận được sau khi bù trừ với các chi phí liên quan đến việc di dời và bàn giao đất. Đến thời điểm 31/12/2017, công tác di dời chưa được hoàn tất do Công ty chưa thực hiện xong các thủ tục để nhận vị trí đền bù mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	116.243.130.505		97.996.435.151	119.915.731.089	94.323.834.567	
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	90.953.130.505		97.996.435.151	119.355.731.089	69.593.834.567	
- Vay cá nhân	25.290.000.000		-	560.000.000	24.730.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	131.797.896.968		81.461.780.500	80.961.425.809	132.298.251.659	
	248.041.027.473		179.458.215.651	200.877.156.898	226.622.086.226	
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	622.418.519.968		153.870.980.500	163.464.815.809	612.824.684.659	
	622.418.519.968		153.870.980.500	163.464.815.809	612.824.684.659	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(131.797.896.968)		(81.461.780.500)	(80.961.425.809)	(132.298.251.659)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	490.620.623.000				480.526.433.000	

(*) Hiện nay Công ty đang chưa xác định được khả năng trả nợ. Các khoản nợ vay Ngân hàng đang thực hiện cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017			Mục đích vay
				USD	VND	Tổng VND tương đương	
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng					69.593.834.567	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0509/2016/HĐTDMRS ngày 26/07/2016	70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương	12 tháng kể từ ngày 21/7/2016	402.046,85	60.449.278.964	69.593.834.567	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Vay các cá nhân khác					24.730.000.000	
	Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	Không áp dụng	12 tháng	-	24.730.000.000	24.730.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
	Tổng cộng					94.323.834.567	

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

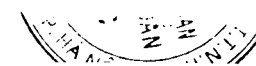
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng				101.885.450.000			-	
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HỆTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HỆTD ngày 31/01/2007). Khoanh nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HỆTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	72.185.450.000	-	72.185.450.000	-	-	-	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HỆTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HỆTD ngày 31/01/2007). Khoanh nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HỆTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	-	-	-	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng				158.844.256.500			85.098.143.000	
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009)		3.242.700,00	73.755.211.500		1.995.600,00	45.389.922.000	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009)	-	3.741.000,00	85.089.045.000	-	1.745.800,00	39.708.221.000	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân				140.816.569.500			19.469.720.000	
	Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTĐ-DH ngày 01/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung	180 tháng kể từ ngày 04/01/2010 đến ngày 04/01/2025	-	6.191.100,00	140.816.569.500	-	856.000,00	19.469.720.000	Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998
4	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đông Đa				211.278.408.659			27.730.388.659	
	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011)	-	9.282.882,63	211.278.408.659	-	1.218.382,63	27.730.388.659	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT
	Tổng cộng				612.824.684.659			132.298.251.659	

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

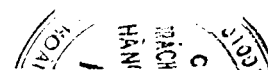
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(106.864.122.468)	176.068.599.386
Lỗ trong năm trước	-	-	(98.612.399.459)	(98.612.399.459)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927
Lỗ trong năm nay	-	-	(75.883.845.330)	(75.883.845.330)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000	51,00%
Nguyễn Quang Dũng	10.003.500.000	5,00%	-	0,00%
Các cổ đông khác	87.996.500.000	44,00%	98.000.000.000	49,00%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	82.932.721.854	82.932.721.854

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	426.516,66	313.948,70

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	463.873.138.400	424.329.876.172
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	94.971.879.273	107.856.037.874
	558.845.017.673	532.185.914.046

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	510.251.626.546	451.211.924.208
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	87.897.432.341	98.532.879.872
	<u>598.149.058.887</u>	<u>549.744.804.080</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	884.711.656	2.001.738.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.007.200	7.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	951.776.715	5.629.813.024
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.361.467.151	-
	<u>3.237.962.722</u>	<u>7.631.558.741</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	30.300.520.231	40.966.344.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	222.988.325	5.071.624.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	6.659.027.351
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(130.463.850)	117.631.250
Chi phí tài chính khác	455.981	7.136.426
	<u>30.393.500.687</u>	<u>52.821.763.757</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	10.976.426.592	6.416.081.919
	<u>10.976.426.592</u>	<u>6.416.081.919</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.065.570.587	617.633.183
Chi phí nhân công	16.440.071.739	17.003.015.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	374.374.536	358.686.719
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	23.568.000
Chi phí dự phòng	47.475.379	1.380.699.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.628.639.912	6.567.820.244
Chi phí khác bằng tiền	1.694.447.767	2.825.557.317
	<u>24.256.579.920</u>	<u>28.776.980.125</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	156.363.636	438.329.538
Thu nhập từ lãi vay ngân hàng được khoan nợ, xóa nợ (*)	25.492.500.162	-
Thu nhập khác	373.148.050	12.643.497
	26.022.011.848	450.973.035

(*) Bao gồm thu nhập từ phần lãi vay được xóa nợ giai đoạn từ năm 2012 đến 30/06/2016 số tiền là 21.959.975.080 VND và thu nhập từ phần lãi vay được khoan nợ giai đoạn từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 số tiền là 3.532.525.082 VND theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01B/2017/HĐTĐSDBS-NHPT ngày 31/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTĐSDBS-NHPT ngày 31/12/2017 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.000.000	-
Cãng phí các tàu cũ đã bán	-	815.481.143
Chi phí khác	209.271.487	305.734.257
	213.271.487	1.121.215.400

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
Các khoản điều chỉnh tăng	48.751.130	60.533.312
- Chi phí không hợp lệ	47.000.000	24.000.000
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.751.130	36.533.312
Các khoản điều chỉnh giảm	(272.097.148.020)	(173.505.274.673)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(40.007.200)	(7.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(272.057.140.820)	(173.505.267.673)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(347.932.242.220)	(272.057.140.820)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.794)	(4.931)

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.045.046.754	149.596.181.851
Chi phí nhân công	81.627.889.598	80.874.328.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.604.291.928	97.656.783.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.559.921.783	247.360.550.377
Chi phí khác bằng tiền	6.497.439.957	8.069.322.831
Chi phí dự phòng	47.475.379	1.380.699.375
	633.382.065.399	584.937.866.124

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.000.672.722	-	13.880.027.622	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.267.847.018	(1.428.174.754)	58.499.403.996	(1.380.699.375)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.554.993.400	-	30.600.585.202	-
Đầu tư dài hạn	5.998.468.525	(1.581.022.425)	5.998.468.525	(1.711.486.275)
	92.821.981.665	(3.009.197.179)	108.978.485.345	(3.092.185.650)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			707.148.519.226	738.661.650.473
Phải trả người bán, phải trả khác			148.975.867.751	110.188.387.639
Chi phí phải trả			1.528.921.235	4.194.466.839
			857.653.308.212	853.044.504.951

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư dài hạn	-	4.417.446.100	-	4.417.446.100
	-	4.417.446.100	-	4.417.446.100
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư dài hạn	-	4.286.982.250	-	4.286.982.250
	-	4.286.982.250	-	4.286.982.250

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.000.672.722	-	-	25.000.672.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.839.672.264	-	-	49.839.672.264
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.554.993.400	-	-	10.554.993.400
	85.395.338.386	-	-	85.395.338.386
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.880.027.622	-	-	13.880.027.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.118.704.621	-	-	57.118.704.621
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.600.585.202	-	-	30.600.585.202
	101.599.317.445	-	-	101.599.317.445

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	226.622.086.226	316.253.377.500	164.273.055.500	707.148.519.226
Phải trả người bán, phải trả khác	138.644.580.499	10.331.287.252	-	148.975.867.751
Chi phí phải trả	1.528.921.235	-	-	1.528.921.235
	366.795.587.960	326.584.664.752	164.273.055.500	857.653.308.212

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	248.041.027.473	304.345.039.000	186.275.584.000	738.661.650.473
Phải trả người bán, phải trả khác	106.257.872.909	3.930.514.730	-	110.188.387.639
Chi phí phải trả	4.194.466.839	-	-	4.194.466.839
	358.493.367.221	308.275.553.730	186.275.584.000	853.044.504.951

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Riêng đối với các khoản vay, Công ty chưa xác định khả năng trả nợ, hiện tại các khoản nợ vay Ngân hàng đang thực hiện cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	97.983.292.003	289.289.308.631
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	127.787.611.469	326.220.127.562

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	463.873.138.400	94.971.879.273	558.845.017.673
Chi phí bộ phận trực tiếp	510.251.626.546	87.897.432.341	598.149.058.887
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(46.378.488.146)	7.074.446.932	(39.304.041.214)
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	286.564.500	286.564.500
Tài sản bộ phận trực tiếp	768.985.321.286	29.921.085.650	798.906.406.936
Tài sản không phân bổ	-	-	74.384.003.870
Tổng tài sản	768.985.321.286	29.921.085.650	873.290.410.806
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	834.911.219.851	7.163.220.083	842.074.439.934
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	29.643.616.275
Tổng nợ phải trả	834.911.219.851	7.163.220.083	871.718.056.209

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Quốc tế	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.935.680.718	117.909.336.955	558.845.017.673
Tài sản bộ phận	623.334.600.420	249.955.810.386	873.290.410.806
Tổng chi phí mua TSCĐ	286.564.500	-	286.564.500

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Cổ tức phải trả		9.400.000.000	9.400.000.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	9.400.000.000	9.400.000.000
Phải trả về cổ phần hóa		2.201.379.706	2.401.379.706
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	2.201.379.706	2.401.379.706


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	465.447.455	485.057.675
Thu nhập của Hội đồng quản trị và người quản lý khác	1.480.287.585	1.598.133.510

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

 Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018